

Bản án số: 123/2024/DS-ST
Ngày 09 - 8 - 2024
Về việc tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy
Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yên Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Đ**, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: **Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Bé D**, sinh năm: 1985 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: **Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Bùi Thị Đ** trình bày:

Bà có tham gia hụi do bà **Phạm Thị Bé D** làm chủ, bà tham gia dây hụi mở ngày 25 tháng 7 năm 2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ/tháng, tổng số 42 chung, bà tham gia 02 chung, bà đã hốt hết hai chung hụi nhưng sau khi trừ cần thì bà **D** còn nợ số tiền 35.000.000 đồng, bà **D** có ghi giấy giao hụi và ký tên thừa nhận có nợ bà số tiền 35.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh xem xét giải quyết buộc bà **Phạm Thị Bé D** phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền là

35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/7/2024 bị đơn bà **Phạm Thị Bé D** trình bày:

Đối với dây hụi này đã mãn từ lâu, bà không có tiền trả cho bà **D** nên còn nợ đến giờ, nay bà **D** yêu cầu bà trả tiền thì bà đồng ý trả cho bà **D** số tiền 35.000.000 đồng nhưng bà không có khả năng trả một lần mà yêu cầu được trả dần. Trường hợp bà **D** không đồng ý cho bà trả dần mà tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt khi giải quyết vụ án của bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 16, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị Đ**. Buộc bà **Phạm Thị Bé D** trả cho bà **Bùi Thị Đ** số tiền hụi 35.000.000 đồng; về án phí: Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: bà **Bùi Thị Đ** khởi kiện yêu cầu bà **Phạm Thị Bé D** trả tiền hụi. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **D** yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bà **D** theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà **Bùi Thị Đ** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Phạm Thị Bé D** trả cho bà số tiền hụi là 35.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà **D** tham gia hụi do bà **D** làm chủ là có thật được bà **D** thừa nhận, bà **D** cũng xác định tổng số tiền hụi bà **D** còn nợ bà **D** là 35.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà **D**. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị Đ** đối với bà **Phạm Thị Bé D** về việc yêu cầu trả tiền hụi là 35.000.000 đồng.

Bà **D** yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ vì không có khả năng trả một lần nhưng bà **Đ** không đồng ý để bà **D** trả dần. Xét thấy, giữa các đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét, giữa bà **Đ** và bà **D** có quyền thỏa thuận phương thức trả tiền trong quá trình thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà **Phạm Thị Bé D** phải chịu 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000 đồng. Bà **Bùi Thị Đ** không phải chịu án phí, bà **Đ** đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị Đ** về việc yêu cầu bà **Phạm Thị Bé D** trả tiền hui.

Buộc bà **Phạm Thị Bé D** trả cho bà **Bùi Thị Đ** số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà **Phạm Thị Bé D** phải chịu 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà **Bùi Thị Đ** không phải chịu án phí, bà **Bùi Thị Đ** đã nộp tạm ứng án phí 875.000 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006588 ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng C